

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/01/2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sâm

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Trung Thành

2. Ông Tống Văn Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 733/2023/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2023 về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp H, xã Hòa H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Th có mặt; ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 17/11/2023 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối nên bà Th và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1981 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 1986 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T thường hay nhậu nhẹt chữa mắng đánh đập bà, ngoài ra ông T còn chữa

mắng xúc phạm cha mẹ ruột bà nên bà và ông T đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 6/2023 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn đoàn tụ lại được nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Hải sinh năm 1985, hiện con chung đã thành niên có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn, không có đăng ký kết hôn như bà Th trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do ông có nhậu nhẹt nhưng không thường xuyên, do bà Th có người khác nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay. Do ông còn tình cảm với bà Th nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm.

Về con chung: Đã thành niên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, bị đơn ông T có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối bà Th và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1981, không có đăng ký kết hôn nhưng vợ chồng đã tổ chức đám cưới chung sống và có con chung với nhau trước ngày 03/01/1987 theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và điểm c mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên hôn nhân giữa bà Th và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1986 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường hay nhậu nhẹt chữa

mắng, đánh đập bà Th, ngoài ra ông T còn chữa mắng xúc phạm cha mẹ vợ nên vợ chồng đã ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ 6/2023 cho đến nay. Do cuộc sống vợ chồng sống không hạnh phúc nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông T. Bị đơn ông T không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Xét, sau khi bà Th và ông T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1981, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian cho đến năm 1986 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T thường hay nhậu nhẹt chữa mắng, đánh đập bà Th, ngoài ra ông T còn chữa mắng xúc phạm cha mẹ vợ. Ông T cho rằng vợ chồng cũng có mâu thuẫn do ông nhậu nhẹt, bà Th có người đàn ông khác, do ông còn tình cảm với bà Th nên không đồng ý ly hôn, nhưng từ khi hòa giải vụ án cho đến nay ông T không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng không có mặt tại phiên tòa từ đó có thể thấy ông T không quan tâm, không có ý định muốn hàn gắn đoàn tụ. Mặc dù, Tòa án đã động viên, hòa giải nhưng bà Th vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T do tình cảm không còn. Từ những tình tiết này, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử nhận định tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con chung đã thành niên có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Th, căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án nên bà Th phải chịu án phí theo quy định, do bà Th là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm c mục 2 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về án phí: Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Th 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014644 ngày 29/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Lê Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sâm